

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1951.

Ông Đỗ Hữu L, sinh năm: 1950 (Chồng bà M).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970.

Bà Đỗ Thị K, sinh năm: 1973 (vợ ông H).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

Các đương sự thỏa thuận: Bà Đỗ Thị K, ông Nguyễn Văn H chấp nhận còn nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Hữu L số tiền đã vay là

109.000.000đ(Một trăm lẻ chín triệu đồng). Bà M, ông L không yêu cầu vợ chồng bà K, ông H phải trả tiền lãi.

2.2. Về phương án trả nợ:

Vợ chồng bà Đỗ Thị K, ông Nguyễn Văn H phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Đỗ Hữu L số tiền nợ là 109.000.000đ(Một trăm lẻ chín triệu đồng). Thời gian trả nợ ngay sau khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí:

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu là 2.725.000đ. Mỗi bên phải chịu 50% của số tiền trên là 1.362.500đ.

Bà M, ông L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn phần án phí phải chịu là 1.362.500đ.

Bà K, ông H phải chịu 1.362.500đ. (Một triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, do nguyên đơn rút yêu cầu trả tiền lãi.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Thắng